

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ K**

TỈNH K

Bản án số: 16/2020/HS-ST

Ngày: 04/02/2020.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông, **Nguyễn Văn T.**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà, **Lê Thị Ngọc Ph** và Ông, **A B.**

- T ký phiên tòa: Bà, **Phạm Thị Thúy A** – T ký Tòa án nhân dân thành phố K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K tham gia phiên tòa: Bà, **Trịnh Thị T** – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 05/2020/TLST-HS ngày 06 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐXXST- HS ngày 13 tháng 01 năm 2020 đối với các bị cáo:

1) **A H**, sinh ngày 06/02/1998, tại tỉnh K; tên gọi khác: Không.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn Lâm T, xã I, thành phố K, tỉnh K; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hoá: 6/12; Dân tộc: Ja Rai; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: A D, sinh năm 1969 và bà Y L, sinh năm 1964, cả hai hiện sinh sống tại Thôn Lâm T, xã I, thành phố K, tỉnh K. Gia đình bị cáo có 04 anh, chị em, bị cáo là con út trong gia đình; Tiền án; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/09/2019 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2) **A T**, sinh ngày 03/03/2000, tại tỉnh K; tên gọi khác: Không.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn Lâm T, xã I, thành phố K, tỉnh K; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hoá: 10/12; Dân tộc: Ja Rai; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: A G, sinh năm 1977 và bà Y C, sinh năm 1976, cả hai hiện sinh sống tại Thôn Lâm T, xã I, thành phố K, tỉnh K. Gia đình bị cáo có 03 chị, em, bị cáo là con út trong gia đình ; Tiền án; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/09/2019 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

Anh Lê Viết L, sinh năm 2001. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn Tân A, xã I, thành phố K, tỉnh K.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Văn L, sinh năm 1977 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn Tân A, xã I, thành phố K, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 15/09/2019, A H sau khi nhậu với A T (là người cùng thôn Lâm T, xã I, thành phố K, tỉnh K) xong, A H rủ A T cùng đi dạo trong xã thì A T đồng ý. Khi cả hai cùng đi ngang qua quán Internet Đình Gia thuộc thôn Tân A, xã I thì A H phát hiện xe mô tô kiểu dáng Wave, nhãn hiệu Ferroli, biển kiểm soát 81S6-6740 của anh Lê Viết L đang dựng trong quán nhưng không có người trông coi. A H nảy sinh ý định lấy trộm xe mô tô, A H rủ A T lấy trộm xe mô tô trên A T đồng ý, A H nói A T đứng ngoài trông chừng, còn A H vào trong dùng tay rút điện dưới ổ khoá xe mô tô, sau khi rút được khoá dây điện thì dắt xe ra ngoài đường đạp xe nổ máy và điều khiển xe mô tô chở A T về nhà A T ngủ để đến sáng đem xe mô tô trên đi bán. Trên đường đi về nhà A T, khi đi ngang qua nhà A W thì thấy A W đang nhậu cùng A S nên A H và A T vào nhậu cùng. Khi đang nhậu thì bị lực lượng Công an phát hiện và bắt giữ.

Tại bản kết luận định giá số 89/ĐG-TS ngày 19/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND thành phố K kết luận: Giá trị 01 xe mô tô kiểu dáng Wave, nhãn hiệu Ferroli; Biển kiểm soát 81S6-6740 là 2.850.000 đồng (Hai triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).

Tại bản cáo trạng số 21/CT-VKSTPKT ngày 06/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K đã truy tố các bị cáo A H và A T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo A H và A T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”; áp dụng khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; các điểm h, i và điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 17 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo A H từ 07 tháng đến 10 tháng tù giam;

Xử phạt bị cáo A T từ 06 tháng đến 09 tháng tù giam.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ đơn xin xét xử vắng mặt của người bị hại- Lê Viết Long đề ngày 21/01/2020, thì người bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi Tòng gì thêm, nên không xem xét giải quyết.

Căn cứ đơn xin xét xử vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan- Lê Văn L đề ngày 16/01/2020, thì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cũng không yêu cầu bồi Tòng gì thêm, nên không xem xét giải quyết.

Vật chứng vụ án: Đối với một xe mô tô nhãn hiệu Ferroli; màu đỏ- đen, biển kiểm soát 81S6-6740. Cơ quan CSĐT công an thành phố K đã xác định được chủ sở hữu và trả lại cho anh Lê Viết L vào ngày 12/12/2019, là đúng quy định pháp luật, vì thế không xem xét giải quyết.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt và có đầy đủ lời khai trong vụ án, không yêu cầu bồi Tòng dân sự, không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 15/09/2019, A H sau khi nhậu với A T đã rủ A T cùng đi dạo trong xã Iachim thì A T đồng ý. Khi cả hai cùng đi ngang qua quán Internet Đình Gia thuộc thôn Tân An, xã Iachim thì A H phát hiện xe mô tô kiểu dáng Wave, nhãn hiệu Ferroli, màu đỏ- đen, biển kiểm soát 81S6-6740 của anh Lê Viết L đang dựng trong quán nhưng không có người trông coi. A H nảy sinh ý định lấy trộm xe mô tô, A H rủ A T lấy trộm xe mô tô trên A T đồng ý, A H nói A T đứng ngoài trông chừng, còn bị cáo vào trong dùng tay rút dây điện dưới ổ khoá xe mô tô, sau khi rút được khoá dây điện thì dắt xe ra ngoài đường đạp xe nổ máy và điều khiển xe mô tô chở A T về nhà A T ngủ đến sáng đem xe mô tô trên đi bán. Giá trị tài sản chiếm đoạt do A H và A T chiếm đoạt của anh Long là 2.850.000 đồng (Hai triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng). Hành vi của các bị cáo A H và A T nêu trên được xác định là đồng phạm theo quy định tại Điều 17 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ

sung năm 2017, vì vậy, có đủ cơ sở kết luận các bị cáo A H và A T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, như Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố K đã truy tố đối với các bị cáo này là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự. Lần đầu phạm tội, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, sau khi phạm tội cũng như trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Xét cho các bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h,i,s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 khi quyết định hình phạt.

[5] Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Xét tính chất mức độ phạm tội: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu về an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý, mục đích phạm tội vì vụ lợi. Căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên, thì cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, để xử phạt các bị cáo, nhằm giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, răn đe và phòng ngừa chung.

Xét thấy: Bị cáo A H và A T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn theo quy định tại Điều 17 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo A H là người khởi xướng, phân công thực hiện hành vi và trực tiếp thực hành, bị cáo A T khi A H rủ trộm cắp tài sản thì đồng ý ngay, trực tiếp thực hiện hành vi trông chừng cho A H vào trong lấy trộm xe mô tô nêu trên. Do đó, vai trò của bị cáo A H trong vụ án này có vai trò tích cực hơn sơ với bị cáo A T, nên hình phạt đối với bị cáo A H phải cao hơn so với bị cáo A T, là hoàn toàn thỏa đáng, đánh giá đúng tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội, mà các bị cáo đã gây ra.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ đơn xin xét xử vắng mặt của người bị hại- Lê Viết Long đề ngày 21/01/2020, thì người bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi Tòng gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Căn cứ đơn xin xét xử vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan- Lê Văn Lợi đề ngày 16/01/2020, thì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cũng không yêu cầu bồi Tòng gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với một xe mô tô nhãn hiệu Ferroli; màu đỏ-đen, biển kiểm soát 81S6-6740. Cơ quan CSĐT công an thành phố K đã xác định được chủ sở hữu và trả lại cho anh Lê Viết L vào ngày 12/12/2019, là đúng quy định pháp luật, vì thế Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo A H và A T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo A H 08 (Tám) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 16/09/2019.

Xử phạt bị cáo A T 07 (Bảy) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 16/09/2019.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, kèm theo danh mục thu án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo A H và A T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 04/02/2020), các bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo bản án để xin xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm. Riêng đối với người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bị cáo; bị hại, người có QLVN liên quan;
- VKSND TP K;
- VKSND tỉnh K;
- CCTHA DS TP K;
- Công an TP K;
- TAND tỉnh K;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Sở tư pháp tỉnh K;
- Phòng hồ sơ PV27 công an tỉnh K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Tuấn

